



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4103006066 ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số 0301445210 ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa 3241/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2006

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
Ông Diêu Chí Hào	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên
Ông Lê Nguyên Ngọc	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)
Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên (đến ngày 19 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng (đến ngày 31 tháng 12 năm 2017)
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Trụ sở đăng ký 127 Đường Lê Văn Chí
Phường Linh Trung
Quận Thủ Đức
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		558.465.432.859	686.970.169.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.347.434.495	137.946.407.677
Tiền	111		25.477.434.495	64.446.407.677
Các khoản tương đương tiền	112		9.870.000.000	73.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.282.765.192	246.375.935.404
Phải thu của khách hàng	131	6	261.102.485.562	230.420.058.776
Trả trước cho người bán	132		748.956.450	2.805.890.463
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.704.990.937	13.621.553.595
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(273.667.757)	(471.567.430)
Hàng tồn kho	140	8	257.995.315.508	302.479.477.818
Hàng tồn kho	141		260.021.731.708	304.262.447.627
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.026.416.200)	(1.782.969.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		839.917.664	168.348.196
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		828.556.525	158.652.156
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.361.139	9.696.040

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		665.931.264.972	710.748.472.627
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	-
Tài sản cố định	220		514.949.980.842	572.439.945.008
Tài sản cố định hữu hình	221	9	514.949.980.842	572.439.945.008
Nguyên giá	222		1.062.732.090.309	1.040.790.462.705
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(547.782.109.467)	(468.350.517.697)
Bất động sản đầu tư	230	10	39.485.586.130	42.701.172.895
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.983.263.245)	(27.767.676.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.780.515.000	2.661.750.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	8.780.515.000	2.661.750.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	88.549.470.627	88.549.470.627
Đầu tư vào các công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		14.065.712.373	4.396.134.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.065.712.373	4.396.134.097
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.224.396.697.831	1.397.718.641.722

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

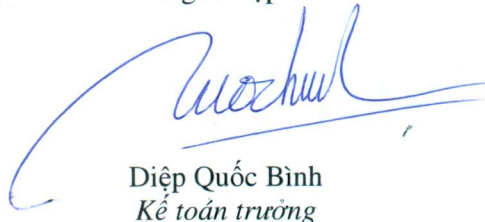
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		616.519.405.276	862.809.657.825
Nợ ngắn hạn	310		522.532.229.451	702.373.403.095
Phải trả người bán	311	14	41.590.500.339	80.411.870.396
Người mua trả tiền trước	312		3.226.808.760	2.041.216.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	10.337.309.513	5.795.924.723
Phải trả người lao động	314		23.813.306.561	23.964.677.809
Chi phí phải trả	315		871.504.308	884.257.534
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	1.787.619.928	54.014.472.571
Vay ngắn hạn	320	17(a)	435.701.021.786	532.174.863.739
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	18	5.204.158.256	3.086.119.330
Nợ dài hạn	330		93.987.175.825	160.436.254.730
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	1.476.301.000	1.476.301.000
Vay dài hạn	338	17(b)	92.510.874.825	158.959.953.730
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		607.877.292.555	534.908.983.897
Vốn chủ sở hữu	410	19	607.877.292.555	534.908.983.897
Vốn cổ phần	411	20	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		341.417.742.705	268.449.434.047
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.224.396.697.831	1.397.718.641.722

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

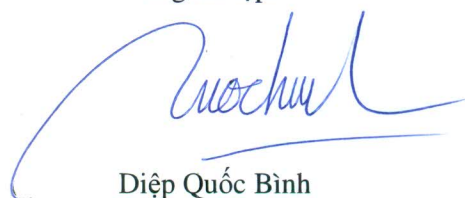
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.805.755.284.724	1.783.091.529.728
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.654.793.417	2.248.472.707
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	1.803.100.491.307	1.780.843.057.021
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.624.479.820.591	1.581.856.289.646
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		178.620.670.716	198.986.767.375
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.331.222.168	23.269.263.154
Chi phí tài chính	22	26	25.380.910.926	31.139.066.538
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.048.712.385	24.803.254.676
Chi phí bán hàng	25	27	10.557.913.624	13.473.216.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	48.837.301.393	49.153.121.666
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		102.175.766.941	128.490.626.162
Thu nhập khác	31	29	2.714.200.048	10.199.980.260
Chi phí khác	32		-	3.890.742.678
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.714.200.048	6.309.237.582
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		104.889.966.989	134.799.863.744
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	21.049.328.939	26.076.569.820
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		83.840.638.050	108.723.293.924

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		104.889.966.989	134.799.863.744
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		89.400.412.470	87.560.193.269
Các khoản dự phòng	03		45.546.718	2.254.537.239
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(351.648.122)	1.980.472.247
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.523.009.199)	(21.279.518.655)
Chi phí lãi vay	06		25.048.712.385	24.803.254.676
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		212.509.981.241	230.118.802.520
Biến động các khoản phải thu	09		(28.799.800.942)	11.013.906.196
Biến động hàng tồn kho	10		44.240.715.919	(3.393.728.645)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(35.234.265.860)	25.378.863.435
Biến động chi phí trả trước	12		(10.339.482.645)	810.232.206
			182.377.147.713	263.928.075.712
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.862.140.436)	(24.803.254.676)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.630.002.855)	(26.780.519.116)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.735.391.701)	(3.123.036.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		129.149.612.721	209.231.265.675
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(33.947.619.039)	(45.470.948.611)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.879.600.000	8.068.075.717
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	11.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.613.110.379	3.460.789.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.454.908.660)	(22.942.083.364)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

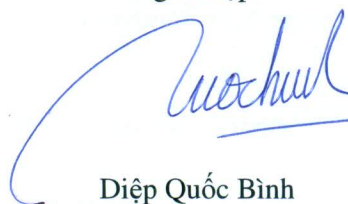
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.041.587.011.941	1.102.705.289.938
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.204.155.162.711)	(1.139.950.467.130)
Tiền trả cổ tức	36		(52.724.765.000)	(41.829.668.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(215.292.915.770)	(79.074.845.817)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(102.598.211.709)	107.214.336.494
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		137.946.407.677	30.006.998.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(761.473)	725.072.228
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	35.347.434.495	137.946.407.677

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phần của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, mã TVT.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.188 nhân viên (1/1/2017: 1.286 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Công cụ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng thẳng trong thời gian 3 năm tính từ ngày hoàn thành việc bảo trì.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.594.365.063.099	1.527.997.474.485	208.735.428.208	252.845.582.536	1.803.100.491.307	1.780.843.057.021
Chi tiêu vốn	34.813.626.539	45.470.948.611	-	-	34.813.626.539	45.470.948.611
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	1.224.396.697.831	1.397.718.641.722	-	-	1.224.396.697.831	1.397.718.641.722

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	565.929.000	523.180.500
Tiền gửi ngân hàng	24.911.505.495	63.923.227.177
Các khoản tương đương tiền	9.870.000.000	73.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	35.347.434.495	137.946.407.677
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Hyopshin	-	13.544.675.044
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quê Hương	14.968.047.390	23.396.805.934
Các khách hàng khác	246.134.438.172	193.478.577.798
	<hr/>	<hr/>
	261.102.485.562	230.420.058.776
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	944.843.351	1.192.141.004
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	2.288.289.256	825.226.558
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	16.108.511.958	7.620.052.565
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	9.235.336.971	990.079.793
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	450.788.250	556.087.620
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu từ công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải trả trong vòng là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	471.567.430	-
Tăng trong năm	-	471.567.430
Hoàn nhập	(197.899.673)	-
Số dư cuối năm	273.667.757	471.567.430

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải thu	1.330.922.000	11.723.609.500
Các khoản phải thu từ các bên liên quan	14.287.564	149.445.288
Lãi tiền gửi phải thu	252.607.154	829.620.834
Phải thu khác	1.107.174.219	918.877.973
	2.704.990.937	13.621.553.595

Cổ tức phải thu và các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu khi có nhu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.075.836.391	-	40.078.641.009	-
Nguyên vật liệu	45.888.531.117	-	49.296.811.225	-
Công cụ và dụng cụ	93.488.677	-	92.183.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.715.836.057	-	34.044.002.585	-
Thành phẩm	164.842.284.369	2.026.416.200	180.042.933.410	1.782.969.809
Hàng hóa	405.755.097	-	707.876.370	-
	260.021.731.708	2.026.416.200	304.262.447.627	1.782.969.809

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 5.738 triệu VND (1/1/2017: 5.033 triệu VND) thành phẩm được lập dự phòng với giá trị là 2.026 triệu (1/1/2017: 1.782 triệu VND).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.782.969.809	-
Tăng trong năm	243.446.391	1.782.969.809
Số dư cuối năm	<u>2.026.416.200</u>	<u>1.782.969.809</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	126.744.324.423	904.548.268.503	8.831.331.415	666.538.364	1.040.790.462.705
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.859.748.364	26.198.113.175	637.000.000	-	28.694.861.539
Thanh lý	-	(6.101.153.490)	(602.080.445)	(50.000.000)	(6.753.233.935)
Số dư cuối năm	128.604.072.787	924.645.228.188	8.866.250.970	616.538.364	1.062.732.090.309
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54.678.405.426	406.008.858.629	7.129.426.396	533.827.246	468.350.517.697
Khấu hao trong năm	6.688.326.388	78.782.677.474	641.610.745	72.211.098	86.184.825.705
Thanh lý	-	(6.101.153.490)	(602.080.445)	(50.000.000)	(6.753.233.935)
Số dư cuối năm	61.366.731.814	478.690.382.613	7.168.956.696	556.038.344	547.782.109.467
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	72.065.918.997	498.539.409.874	1.701.905.019	132.711.118	572.439.945.008
Số dư cuối năm	67.237.340.973	445.954.845.575	1.697.294.274	60.500.020	514.949.980.842

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 148.058 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 136.816 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 369.649 triệu VND (1/1/2017: 446.022 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	27.767.676.480
Khấu hao trong năm	3.215.586.765
Số dư cuối năm	30.983.263.245
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	42.701.172.895
Số dư cuối năm	39.485.586.130

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 23.663 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 23.601 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.661.750.000	61.427.142.111
Tăng trong năm	34.813.626.539	45.470.948.611
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.694.861.539)	(60.204.169.761)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(44.032.170.961)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.780.515.000	2.661.750.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bộ ghép sợi	8.512.875.000	-
Dự án cải tạo nhà máy	267.640.000	-
Máy chài thô	-	2.661.750.000
	<hr/>	<hr/>
	8.780.515.000	2.661.750.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017						1/1/2017					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng (i)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (ii)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464	-					77.890.684.464	-	
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
				16.058.786.163	(9.000.000.000)					16.058.786.163	(9.000.000.000)	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017					1/1/2017						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
				97.549.470.627	(9.000.000.000)				97.549.470.627	(9.000.000.000)		

- (i) Công ty Cổ phần May Việt Thắng được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may; may và in trên vải (chỉ cho sử dụng nội bộ), thêu và rửa; kinh doanh phụ liệu, và hóa chất (trừ hóa chất độc hại), phụ tùng, máy may và hàng dệt.
- (ii) Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh phụ kiện dệt, nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc, phụ tùng, in ấn và nhuộm vải, thuê kho và ký gửi hàng hóa.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2017 Chi phí bảo trì VND
Số dư đầu năm	4.396.134.097
Tăng trong năm	14.338.144.047
Phân bổ trong năm	(4.668.565.771)
	14.065.712.373
Số dư cuối năm	14.065.712.373

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	26.273.688.329	11.028.607.670
Kangwal Polyester Co., Ltd	5.428.646.021	-
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	-	11.748.356.608
OSC Cotton Trading L.L.C.	-	19.621.185.645
Pan Agri Export	-	11.209.001.694
Các nhà cung cấp khác	9.888.165.989	26.804.718.779
	41.590.500.339	80.411.870.396
	41.590.500.339	80.411.870.396

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	41.590.500.339	80.411.870.396
	41.590.500.339	80.411.870.396

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2017	1/1/2017
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – bên liên quan khác	26.273.688.329	11.028.607.670
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con		- 11.748.356.608

Các khoản phải trả đối với công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.232.823.158	67.269.554.948	(64.899.880.131)	4.602.497.975
Thuế nhập khẩu	-	607.781.750	(607.781.750)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.399.055.702	21.049.328.939	(19.630.002.855)	4.818.381.786
Thuế thu nhập cá nhân	155.949.663	1.771.320.207	(1.885.968.059)	41.301.811
Thuế tài nguyên	8.096.200	75.248.000	(78.189.800)	5.154.400
Phí thuế đất	-	10.631.337.818	(9.761.364.277)	869.973.541
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	5.795.924.723	101.407.571.662	(96.866.186.872)	10.337.309.513

16. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	315.942.940	331.201.080
Cổ tức phải trả	174.030.000	52.898.795.000
Các khoản phải trả khác	1.297.646.988	784.476.491
	1.787.619.928	54.014.472.571

(b) Phải trả dài hạn khác

Các khoản phải trả dài hạn khác phản ánh số lượng tiền ký quỹ nhận được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	498.607.655.059	498.607.655.059	1.041.587.011.941	(1.127.830.508.869)	412.364.158.131	412.364.158.131
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17(b))	33.567.208.680	33.567.208.680	66.141.629.555	(76.371.974.580)	23.336.863.655	23.336.863.655
	532.174.863.739	532.174.863.739	1.107.728.641.496	(1.204.202.483.449)	435.701.021.786	435.701.021.786

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	5,1% - 5,5%	278.912.931.354	223.470.445.125
Khoản vay 2	USD	2,2%	26.072.636.682	58.158.001.096
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 3	VND	4,8%	-	52.958.949.472
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 4	USD	2,2%	54.213.778.464	4.602.196.419
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 5	USD	4,8%	45.422.932.559	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iii)				
Khoản vay 6	VND	4,5%	-	36.284.997.580
Khoản vay 7	USD	2,2%	7.741.879.072	10.876.612.051
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 8	USD	2,0% - 2,3%	-	37.629.883.756
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 9	VND	4,6% - 5,0%	-	74.626.569.560
			412.364.158.131	498.607.655.059

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 177.396 triệu VND (1/1/2017: 201.219 triệu VND) (Thuyết minh 9).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.482 triệu VND (1/1/2017: 20.430 triệu VND) (Thuyết minh 9).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	115.847.738.480	192.527.162.410
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17(a))	(23.336.863.655)	(33.567.208.680)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	92.510.874.825	158.959.953.730

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	USD	4,1%	2022	49.575.213.480	78.805.062.410
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (ii)	USD	4,1%	2020	66.272.525.000	113.722.100.000
				115.847.738.480	192.527.162.410

- (i) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.787 triệu VND (1/1/2017: 52.339 triệu VND) (Thuyết minh 9).
- (ii) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 150.984 triệu VND (1/1/2017: 171.974 triệu VND) (Thuyết minh 9).

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	3.086.119.330	3.508.053.666
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	10.872.329.392	2.691.101.909
Sử dụng trong năm	(8.735.391.701)	(3.113.036.245)
Giảm khác	(18.898.765)	-
Số dư cuối năm	5.204.158.256	3.086.119.330

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	214.917.242.032	481.376.791.882
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	108.723.293.924	108.723.293.924
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.691.101.909)	(2.691.101.909)
Cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.449.434.047	534.908.983.897
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	83.840.638.050	83.840.638.050
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.872.329.392)	(10.872.329.392)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	341.417.742.705	607.877.292.555

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Vốn cổ phần**

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	58.412	1.323.907.074	169.234	3.841.622.242

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.175.081.687.933	1.171.323.396.940
▪ Bán hàng hóa	557.058.806.464	446.409.070.236
▪ Cung cấp dịch vụ	27.332.231.902	24.138.851.229
▪ Bán phế liệu	26.434.574.973	21.799.408.800
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	19.847.983.452	14.695.145.653
▪ Chuyển nhượng dự án bất động sản	-	104.725.656.870
	1.805.755.284.724	1.783.091.529.728
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.511.284.242)	(486.641.190)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.143.509.175)	(1.761.831.517)
	(2.654.793.417)	(2.248.472.707)
Doanh thu thuần	1.803.100.491.307	1.780.843.057.021

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Thành phẩm đã bán	1.014.738.349.247	1.011.970.695.196
Hàng hoá đã bán	551.166.641.719	440.102.130.979
Dịch vụ đã cung ứng	25.842.330.107	22.615.242.288
Phế liệu đã bán	25.176.497.002	20.719.732.454
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	7.312.556.125	4.939.862.050
Giá vốn dự án bất động sản	-	79.725.656.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	243.446.391	1.782.969.809
	1.624.479.820.591	1.581.856.289.646

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	3.862.829.261	927.894.364
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.504.382.731	2.070.415.110
Thu nhập cổ tức	780.579.938	10.392.687.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.183.430.238	4.378.266.180
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	5.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	8.331.222.168	23.269.263.154

26. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	25.048.712.385	24.803.254.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	332.198.541	6.335.811.862
	<hr/>	<hr/>
	25.380.910.926	31.139.066.538

27. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Phí hoa hồng	4.554.567.507	7.926.597.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.430.907.778	2.676.209.634
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.253.346.417	1.176.617.869
Chi phí nhân viên	1.231.265.634	1.168.763.971
Chi phí công cụ và dụng cụ	927.007.576	278.448.609
Chi phí bán hàng khác	160.818.712	246.578.935
	<hr/>	<hr/>
	10.557.913.624	13.473.216.163

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	26.345.903.117	23.144.463.935
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.367.118.563	7.958.780.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.026.523.074	6.684.027.447
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.999.951.603	2.056.534.174
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.498.703.060	1.706.650.802
Dự phòng nợ xấu	(197.899.673)	471.567.430
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.797.001.649	7.131.097.011
	<hr/> 48.837.301.393	<hr/> 49.153.121.666 <hr/>

29. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.879.600.000	7.549.866.245
Thu nhập khác	834.600.048	2.650.114.015
	<hr/> 2.714.200.048	<hr/> 10.199.980.260 <hr/>

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa bao gồm trong chi phí sản xuất	1.219.371.950.034	1.034.971.416.758
Chi phí nhân công	142.752.951.334	147.029.320.868
Chi phí khấu hao và phân bổ	89.400.412.470	87.560.193.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	227.064.525.015	269.299.859.965
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	21.049.328.939	25.290.541.125
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	786.028.695
	21.049.328.939	26.076.569.820

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.889.966.989	134.799.863.744
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.977.993.398	26.959.972.749
Chi phí không được khấu trừ thuế	227.451.529	409.105.876
Thu nhập không bị tính thuế	(156.115.988)	(2.078.537.500)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	786.028.695
	21.049.328.939	26.076.569.820

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	1.052.664.400	2.707.196.576
Doanh thu gia công	26.089.500	-
Bán hơi từ lò	1.634.624.500	-
Thu nhập cho thuê	2.226.181.527	1.949.280.001
Thu nhập khác	6.521.105.053	7.387.458.109
Mua hàng hóa	297.140.914	105.103.357
Thu nhập cổ tức	-	2.613.437.500
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	414.841.269	1.855.849.075
Thu nhập khác	872.741.250	1.443.553.640
Mua hàng hóa	407.850.849	1.346.856.206
Mua hàng gia công	47.055.122.158	117.786.486.130
Mua khác	289.091.797	407.005.927
Thu nhập cổ tức	780.579.938	5.699.250.000
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	1.005.120.000	1.005.120.000
Thu nhập khác	3.074.902.433	3.122.308.925
Phân phối cổ tức	-	1.000.000.000
Nhận cổ tức	-	1.000.000.000
Mua hàng hóa	-	18.550.000
Cho vay	-	2.000.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	-	9.458.334
Phí dịch vụ khác	316.459.540	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	219.657.376.467	140.532.242.201
Bán hơi	6.358.115.598	6.455.288.430
Thu nhập cho thuê	5.574.054.544	5.060.045.456
Thu nhập khác	4.158.926.917	2.805.700.997
Mua hàng hóa	689.015.136.991	533.301.064.611
Thu nhập cổ tức	63.168.416	1.080.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm và hàng hóa	70.427.118.782	46.196.595.599
Phí gia công	-	1.422.020.625
Mua hàng hóa	25.191.774.843	4.291.439.817
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	17.697.711.520	7.987.075.859
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	3.382.619.470	2.871.079.823
Thu nhập gia công	20.300.350	-
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	1.786.447.000
Mua hàng hóa	-	2.177.904.168
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	24.637.500.000
Phí kiểm toán	409.000.000	268.181.818
Phí quảng cáo	-	52.363.636
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Lương và thưởng	4.260.276.000	4.337.561.000
<hr/>		
33. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư		
	2017	2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	866.007.500	-
<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

